

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 253/2018/HS - ST
Ngày: 23- 10- 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN ND THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường

Bà Lê Thị Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án TP Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 335/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2018/QĐXXST - HS ngày 08/10/2018 đối với bị cáo:

Lê Hữu D - sinh năm 1983 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: Phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Hữu B và bà Lê Thị T; Vợ: Vi Thị D2 và 01 con; Tiền án: Tháng 9/2012 Tòa án thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tháng 6/2016 TAND Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 36 tháng tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy”; tiền sự: không; Tạm giữ: 01/8/2018; tạm giam: ngày 04/8/2018 “có mặt”.

Bị hại:

1. Ông Lê Hữu B - SN 1955 “vắng mặt”.

Trú tại: Phố T, phường Q, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Trần Hải A - SN 1974 “vắng mặt”

Trú tại: phố N, phường N, thành phố T.

Người có quyền lợi liên quan: Anh Nguyễn Tấn Đ - SN 1979 “vắng mặt”

Trú tại: phố T, phường P, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09h ngày 16/6/2018 lợi dụng ông Lê Hữu B là bố để vắng nhà, Lê Hữu D nhờ Chung Đức T ở đường T, phường N, thành phố T chở về nhà để trộm cắp tài sản. D mở cửa vào nhà lấy chiếc tivi nhãn hiệu Samsung 43inch để trên bàn gần cầu thang tại phòng khách. Sau đó, D nhờ Thanh chở đến nhà anh Nguyễn Tấn Đ ở phố T, phường P, thành phố T nói dối chiếc tivi trên là của D và gửi làm tin để vay anh Đạt số tiền 5.200.000đ. Số tiền trên D sử dụng cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Ngày 10/7/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, đã xác định chiếc tivi nhãn hiệu Sam sung 43inch trị giá 6.360.000đ. Ông B đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự.

Đối với Chung Đức T là người dùng xe máy trở D về trộm cắp tivi và mang đi cầm cố và Nguyễn Tấn Đ là người cho D cầm cố chiếc tivi trên để vay tiền nhưng anh T và anh Đ đều không biết chiếc tivi trên là do D trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý.

Anh Nguyễn Tấn Đ yêu cầu D trả lại số tiền đã cho D vay 5.200.000đ.

Ngoài vụ trộm cắp nêu trên, Lê Hữu D còn thực hiện một vụ trộm cắp khác như sau: Khoảng 10h ngày 22/6/2018 D đến nhà chị Lê Thị H ở phố N, phường N, thành phố T chơi. Đến nơi D thấy cửa nhà chị H đóng nhưng không khóa, D mở cửa đi vào trong thì không thấy có ai ở nhà, D phát hiện thấy chiếc xe đạp địa hình màu đỏ đen để trong gần cầu thang nên nảy sinh ý định trộm cắp. D dắt xe đạp ra ngoài cổng rồi đạp xe ra công viên H, phường L, thành phố T bán cho một người đàn ông không quen biết lấy số tiền 900.000đ. Số tiền này D tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Ngày 21/8/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, đã xác định chiếc xe đạp trên trị giá 2.280.000đ. Chiếc xe đạp trên D đã bán cho người đàn ông không quen biết nên không thu hồi được. Gia đình chị H không yêu cầu D bồi thường.

Ngày 05/7/2018, D đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đầu thú.

Tại bản cáo trạng số 242/CT-VKS-KT ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Lê Hữu D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng điểm g khoản 2 Điều

173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 24 đến 30 tháng tù. Buộc bị cáo trả lại cho anh Đạt số tiền 5.200.000đ.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Vào ngày 16 và ngày 22/6/2018 Lê Hữu D đã trộm cắp 01 chiếc tivi nhãn hiệu Samsung 43inch của ông Lê Hữu B trị giá 6.360.000đ và 01 chiếc xe đạp địa hình của anh Trần Hải A trị giá 2.280.000đ. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 8.640.000đ. Bị cáo đã tái phạm nay lại phạm tội do cố ý, do vậy lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS năm 2015 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Lê Hữu D có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của BLHS năm 2015.

[3] Tính chất vụ án: Lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã nhanh chóng lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến trật tự trị an nói chung mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân nói riêng, do đó cần được xử lý nghiêm minh.

[4] Trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo đã bị các cơ quan pháp luật giáo dục nhiều lần nhưng không chịu rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 HLHS.

Với nhân thân của bị cáo và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi áp dụng hành phạt cần căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì tại các cơ quan pháp luật bị cáo thành khẩn khai báo, đầu thú.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Hữu B đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm. Anh Trần Hải A không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên công nhận phần dân sự giữa bị cáo và Ông B, anh A đã được giải quyết xong.

Anh Nguyễn Tấn Đ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền vay 5.200.000đ. Xét yêu cầu của anh Đ là có căn cứ nên buộc bị cáo phải trả lại cho anh Đ số tiền 5.200.000đ theo quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 48; Điều 38 BLHS năm 2015; khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu D phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Lê Hữu D 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 01/8/2018.

Về trách nhiệm dân sự:

- Công nhận phần dân sự giữa bị cáo và ông Lê Hữu B, anh Trần Hải A đã được giải quyết xong.

- Buộc bị cáo phải trả cho anh Nguyễn Tấn Đ số tiền 5.200.000đ.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Đạt có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bồi thường, nếu bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu thêm thì phải chịu thêm lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thủy